ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
CÁC CTĐT ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VÀ SAU ĐẠI HỌC

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
1	24022011	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
2	24022012	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
3	24022013	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
4	24022014	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
5	24022016	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
6	24022017	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
7	24022018	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
8	24022019	-6.414.350	16.000.000	13.990.000	-4.404.350		-4.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
9	24022021	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
10	24022022	-7.820.000	16.000.000	15.000.000	-6.820.000		-6.820.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
11	24022023	-6.414.350	16.000.000	14.790.001	-5.204.351		-5.204.351	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
12	24022024	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
13	24022025	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
14	24022026	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
15	24022028	-6.414.350	16.000.000	10.590.000	-1.004.350		-1.004.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
16	24022029	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
17	24022030	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
18	24022032	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
19	24022036	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
20	24022037	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
21	24022038	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350	5.414.350	-10.828.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
22	24022039	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350	5.414.350	-10.828.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
23	24022040	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24	24022041	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
25	24022043	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
26	24022044	-6.414.350	16.000.000	14.990.000	-5.404.350		-5.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
27	24022045	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
28	24022046	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
29	24022047	-6.714.350	16.000.000	15.000.000	-5.714.350		-5.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
30	24022049	-6.414.350	16.000.000	14.090.000	-4.504.350		-4.504.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
31	24022051	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
32	24022052	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
33	24022053	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
34	24022054	-6.414.350	16.000.000	14.769.999	-5.184.349		-5.184.349	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
35	24022055	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
36	24022056	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
37	24022058	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
38	24022059	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
39	24022060	-6.414.350	16.000.000	14.288.500	-4.702.850		-4.702.850	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
40	24022063	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
41	24022064	-6.414.350	16.000.000	14.815.500	-5.229.850	5.229.850	-10.459.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
42	24022066	-6.414.350	16.000.000	14.806.000	-5.220.350		-5.220.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
43	24022067	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
44	24022068	-6.414.350	16.000.000	14.490.000	-4.904.350		-4.904.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
45	24022069	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
46	24022070	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
47	24022072	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
48	24022073	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
49	24022074	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
50	24020908	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
51	24020909	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
52	24020910	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
53	24020911	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
54	24020913	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
55	24020914	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
56	24020915	-7.820.000	20.000.000	14.870.000	-2.690.000		-2.690.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
57	24020916	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
58	24020917	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
59	24020918	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
60	24020919	-6.414.350	20.000.000	14.500.000	-914.350		-914.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
61	24020920	-7.820.000	20.000.000	15.000.000	-2.820.000		-2.820.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
62	24020921	-6.594.350	11.800.000		5.205.650		5.205.650	Miễn HP (ĐMKTKT), Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
63	24020922	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
64	24020923	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
65	24020924	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
66	24020925	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
67	24020927	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
68	24020928	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
69	24020929	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
70	24020930	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
71	24020931	-6.414.350	20.000.000	14.350.000	-764.350		-764.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
72	24020933	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
73	24020934	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
74	24020935	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
75	24020936	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
76	24020937	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
77	24020938	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
78	24020939	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
79	24020940	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
80	24020942	-7.820.000	20.000.000	14.500.000	-2.320.000		-2.320.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
81	24020943	-14.414.350	20.000.000	15.000.000	-9.414.350		-9.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
82	24020944	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
83	24020945	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
84	24020946	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
85	24020947	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
86	24020948	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
87	24020949	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
88	24020950	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
89	24020951	-6.414.350	20.000.000	13.990.000	-404.350		-404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
90	24020953	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
91	24020954	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
92	24020955	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
93	24020956	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
94	24020957	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
95	24020958	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
96	24020959	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
97	24020960	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
98	24020961	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
99	24020962	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
100	24020963	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
101	24020965	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
102	24020966	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
103	24020967	0	20.180.000	15.000.000	5.180.000		5.180.000	SV chưa đóng HP nhập học
104	24020968	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
105	24020969	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
106	24020970	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
107	24020972	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
108	24020973	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
109	24020974	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
110	24020975	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
111	24020976	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
112	24020977	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
113	24020978	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
114	24020979	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
115	24020980	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
116	24020982	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
117	24020983	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
118	24020984	-6.414.350	20.000.000	14.980.000	-1.394.350		-1.394.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
119	24020985	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
120	24020986	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
121	24020988	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
122	24020989	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
123	24020990	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
124	24020991	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
125	24020992	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
126	24020993	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
127	24020994	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
128	24020995	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
129	24020996	-6.414.350	20.000.000	14.590.000	-1.004.350		-1.004.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
130	24020998	-6.414.350	20.000.000		13.585.650		13.585.650	Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
131	24020999	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
132	24021000	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
133	24021002	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
134	24021003	-6.414.350	20.000.000	14.390.000	-804.350		-804.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
135	24021004	-6.414.350	20.000.000	12.400.000	1.185.650		1.185.650	
136	24021005	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
137	24021006	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
138	24021007	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
139	24021009	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
140	24021010	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
141	24021011	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
142	24021012	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
143	24021013	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
144	24021015	-6.414.350	20.000.000	14.300.000	-714.350		-714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
145	24021016	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
146	24021017	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
147	24021018	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
148	24021019	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350	1.400.000	-2.814.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
149	24021021	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
150	24021022	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
151	24021023	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
152	24021024	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
153	24021025	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
154	24021026	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
155	24021027	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
156	24021028	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
157	24021029	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
158	24021030	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
159	24021032	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
160	24021033	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
161	24021034	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
162	24021035	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
163	24021036	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
164	24021037	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
165	24021038	-6.414.350	20.000.000	14.800.000	-1.214.350		-1.214.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
166	24021039	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
167	24021041	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
168	24021042	-6.414.350	20.000.000	13.590.000	-4.350		-4.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
169	24021044	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
170	24021045	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
171	24021046	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
172	24021047	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
173	24021048	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350	1.414.350	-2.828.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
174	24021049	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
175	24021050	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
176	24021052	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
177	24021053	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
178	24021054	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
179	24021055	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
180	24021056	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
181	24021057	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
182	24020830	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
183	24020831	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
184	24020832	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
185	24020834	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
186	24020835	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
187	24020836	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
188	24020837	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
189	24020838	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
190	24020839	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
191	24020840	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
192	24020841	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
193	24020842	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
194	24020843	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
195	24020844	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
196	24020845	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
197	24020846	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
198	24020847	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
199	24020848	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
200	24020849	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
201	24020850	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
202	24020851	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
203	24020852	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
204	24020853	-6.414.350	20.000.000		13.585.650		13.585.650	Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
205	24020854	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
206	24020855	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
207	24020856	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
208	24020857	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
209	24020858	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
210	24020859	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
211	24020860	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
212	24020861	-6.414.350	20.000.000	14.990.000	-1.404.350		-1.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
213	24020862	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
214	24020863	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
215	24020864	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
216	24020865	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
217	24020866	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
218	24020867	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
219	24020868	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
220	24020869	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
221	24020870	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
222	24020871	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
223	24020872	-6.414.350	20.000.000	12.430.000	1.155.650	12.430.000	-11.274.350	
224	24020873	-6.414.350	20.000.000	14.990.000	-1.404.350		-1.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
225	24020874	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
226	24020875	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
227	24020876	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
228	24020877	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
229	24020878	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
230	24020879	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
231	24020880	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
232	24020881	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
233	24020882	-6.414.350	20.000.000	4.590.000	8.995.650	8.995.650	0	
234	24020883	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
235	24020884	-6.414.350	20.000.000		13.585.650		13.585.650	Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
236	24020886	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
237	24020887	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
238	24020888	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
239	24020889	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
240	24020890	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
241	24020891	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
242	24020892	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
243	24020893	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
244	24020894	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
245	24020895	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
246	24020896	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
247	24020897	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
248	24020898	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
249	24020899	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
250	24020900	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
251	24020901	-7.520.000	20.000.000	15.000.000	-2.520.000		-2.520.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
252	24020902	-6.414.350	20.000.000		13.585.650		13.585.650	Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
253	24020903	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	-1.714.350	1.714.350	-3.428.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
254	24020904	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
255	24020905	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
256	24020906	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
257	24020907	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
258	24022495	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
259	24022496	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
260	24022497	-6.594.350	15.900.000		9.305.650		9.305.650	Giảm 50% HP (ĐMKTKT), Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
261	24022498	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
262	24022499	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
263	24022500	-6.414.350	20.000.000	14.880.000	-1.294.350		-1.294.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
264	24022503	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
265	24022504	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
266	24022505	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
267	24022506	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
268	24022507	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
269	24022508	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
270	24022509	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
271	24022510	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
272	24022511	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350	1.414.350	-2.828.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
273	24022512	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
274	24022513	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
275	24022514	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
276	24022516	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
277	24022517	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
278	24022518	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
279	24022519	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
280	24022521	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
281	24022522	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
282	24022523	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
283	24022524	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
284	24022525	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
285	24022526	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
286	24022527	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
287	24022528	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
288	24022529	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
289	24022530	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
290	24022531	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
291	24022532	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
292	24022533	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
293	24022534	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
294	24022535	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
295	24022536	-6.414.350	20.000.000	3.790.001	9.795.649	9.796.000	-351	
296	24022537	-6.894.350	11.800.000	15.000.000	-10.094.350		-10.094.350	Miễn HP (ĐMKTKT), SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
297	24022538	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
298	24022539	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
299	24022540	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
300	24022541	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
301	24022543	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
302	24022544	-6.414.350	20.000.000	14.590.000	-1.004.350		-1.004.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
303	24022545	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
304	24022546	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
305	24022547	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
306	24022548	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
307	24022549	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
308	24022550	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
309	24022551	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
310	24022552	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
311	24022553	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
312	24022555	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
313	24022556	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
314	24022557	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
315	24022558	-6.414.350	20.000.000	14.670.000	-1.084.350		-1.084.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
316	24022559	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
317	24022560	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
318	24022561	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
319	24022562	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
320	24022563	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
321	24022564	-6.414.350	20.000.000	14.990.000	-1.404.350		-1.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
322	24022565	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
323	24022566	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
324	24022567	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
325	24022568	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
326	24022569	-7.520.000	20.000.000	14.490.000	-2.010.000		-2.010.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
327	24022570	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
328	24022571	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
329	24022574	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
330	24022575	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
331	24022576	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
332	24022577	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
333	24022578	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
334	24022579	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
335	24022580	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
336	24022581	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
337	24022583	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
338	24022584	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
339	24022585	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
340	24022586	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
341	24022588	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
342	24022589	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
343	24022590	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
344	24022592	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
345	24022593	-6.414.350	20.000.000	14.990.000	-1.404.350		-1.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
346	24022594	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
347	24022595	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
348	24022597	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
349	24023099	-6.414.350	20.000.000	13.590.000	-4.350		-4.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
350	24020699	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
351	24020700	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
352	24020701	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
353	24020702	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
354	24020703	-6.414.350	20.000.000	13.990.000	-404.350		-404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
355	24020705	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
356	24020706	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
357	24020707	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
358	24020708	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
359	24020710	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
360	24020711	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
361	24020712	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
362	24020713	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
363	24020714	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
364	24020715	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
365	24020717	-6.414.350	20.000.000	12.950.000	635.650	635.650	0	
366	24020718	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
367	24020719	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
368	24020720	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
369	24020723	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
370	24020724	-6.414.350	20.000.000	13.499.000	86.650		86.650	
371	24020725	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
372	24020726	-6.414.350	20.000.000	11.790.000	1.795.650	1.795.650	0	
373	24020727	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
374	24020728	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
375	24020729	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
376	24020730	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
377	24020731	-6.594.350	14.260.000	15.000.000	-7.334.350		-7.334.350	Giảm 70% HP (ĐMKTKT), SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
378	24020732	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
379	24020733	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
380	24020734	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
381	24020735	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
382	24020736	-7.520.000	20.000.000	15.000.000	-2.520.000		-2.520.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
383	24020737	-6.414.350	20.000.000	14.660.000	-1.074.350		-1.074.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
384	24020739	-7.520.000	20.000.000	15.000.000	-2.520.000		-2.520.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
385	24020740	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
386	24020741	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
387	24020742	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
388	24020743	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
389	24020744	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
390	24020745	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
391	24020746	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
392	24020747	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
393	24020748	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
394	24020749	-6.414.350	20.000.000	14.549.000	-963.350		-963.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
395	24020750	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
396	24020751	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
397	24020752	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
398	24020753	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
399	24020754	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
400	24020755	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
401	24020756	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
402	24020757	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
403	24020758	-6.414.350	20.000.000	14.890.000	-1.304.350		-1.304.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
404	24020759	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
405	24020760	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
406	24020761	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
407	24020762	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
408	24020763	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
409	24020764	-6.894.350	11.800.000		4.905.650		4.905.650	Miễn HP (ĐMKTKT), Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
410	24020765	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
411	24020766	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
412	24020768	-6.414.350	20.000.000	13.999.000	-413.350		-413.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
413	24020769	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
414	24020770	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
415	24020772	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
416	24020773	-14.414.350	20.000.000	15.000.000	-9.414.350		-9.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
417	24020774	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
418	24020775	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
419	24020776	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
420	24020777	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
421	24020778	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
422	24020779	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
423	24020780	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
424	24020781	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
425	24020782	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
426	24020783	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
427	24020784	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
428	24020785	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
429	24020786	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
430	24020787	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
431	24020788	-6.414.350	20.000.000	13.190.000	395.650	395.650	0	
432	24020789	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
433	24020790	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
434	24020791	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
435	24020792	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
436	24020793	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
437	24020794	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
438	24020795	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
439	24020796	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
440	24020797	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
441	24020798	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
442	24020799	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
443	24020800	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
444	24020801	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
445	24020802	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
446	24020803	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
447	24020804	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
448	24020805	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
449	24020806	-6.414.350	20.000.000	13.680.000	-94.350		-94.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
450	24020807	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
451	24020808	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
452	24020809	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
453	24020810	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
454	24020811	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
455	24020812	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
456	24020813	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
457	24020814	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
458	24020815	-6.414.350	20.000.000	14.290.000	-704.350		-704.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
459	24020816	-6.414.350	20.000.000	14.540.000	-954.350		-954.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
460	24020817	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
461	24020818	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
462	24020819	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
463	24020820	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
464	24020821	-7.520.000	20.000.000	15.000.000	-2.520.000		-2.520.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
465	24020822	-6.414.350	20.000.000	13.800.000	-214.350		-214.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
466	24020823	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
467	24020824	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
468	24020825	-6.594.350	14.260.000	15.000.000	-7.334.350		-7.334.350	Giảm 70% HP (ĐMKTKT), SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
469	24020826	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
470	24020827	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
471	24020828	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
472	24020829	-6.414.350	20.000.000	14.664.500	-1.078.850		-1.078.850	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
473	24023106	-7.820.000	20.000.000	15.000.000	-2.820.000		-2.820.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
474	24021228	-6.714.350	20.000.000	14.390.000	-1.104.350		-1.104.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
475	24021229	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
476	24021230	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
477	24021231	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
478	24021232	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
479	24021233	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
480	24021234	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
481	24021235	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
482	24021236	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
483	24021237	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
484	24021238	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
485	24021239	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
486	24021240	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
487	24021241	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
488	24021242	-6.714.350	20.000.000	14.890.000	-1.604.350		-1.604.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
489	24021243	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
490	24021244	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
491	24021245	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
492	24021246	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
493	24021247	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
494	24021248	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
495	24021249	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
496	24021250	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
497	24021251	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
498	24021252	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
499	24021253	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
500	24021254	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
501	24021255	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
502	24021256	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
503	24021257	-6.414.350	20.000.000	14.465.500	-879.850		-879.850	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
504	24021258	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
505	24021259	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
506	24021261	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
507	24021262	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
508	24021263	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
509	24021264	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
510	24021265	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
511	24021267	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
512	24021268	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
513	24021269	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
514	24021270	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
515	24021271	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
516	24021272	-6.594.350	15.900.000	15.000.000	-5.694.350		-5.694.350	Giảm 50% HP (ĐMKTKT), SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
517	24021273	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
518	24021275	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
519	24021276	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350	1.414.350	-2.828.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
520	24021277	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
521	24021278	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
522	24021279	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
523	24021280	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
524	24021281	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
525	24021282	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
526	24021284	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
527	24021285	-7.820.000	20.000.000	15.000.000	-2.820.000		-2.820.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
528	24021286	-6.414.350	20.000.000	14.764.500	-1.178.850		-1.178.850	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
529	24021287	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
530	24021288	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
531	24021290	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
532	24021291	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
533	24021292	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
534	24021293	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
535	24021294	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
536	24021296	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
537	24021297	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
538	24021298	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
539	24021299	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
540	24021300	-6.414.350	20.000.000	14.590.000	-1.004.350		-1.004.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
541	24021301	-6.414.350	20.000.000	14.960.000	-1.374.350		-1.374.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
542	24021302	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
543	24021303	-6.594.350	14.260.000	15.000.000	-7.334.350		-7.334.350	Giảm 70% HP (ĐMKTKT), SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
544	24021304	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
545	24021306	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
546	24021308	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
547	24021309	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
548	24021310	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
549	24021311	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
550	24021312	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
551	24021314	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
552	24021315	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
553	24021316	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
554	24021317	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
555	24021319	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
556	24021320	0	20.180.000	12.890.000	7.290.000	5.180.000	2.110.000	SV chưa đóng HP nhập học
557	24021321	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
558	24021322	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
559	24021323	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
560	24021324	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
561	24021325	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
562	24021326	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
563	24021327	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
564	24021328	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
565	24021329	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
566	24021330	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
567	24021331	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
568	24021332	-6.414.350	20.000.000	10.945.000	2.640.650	2.640.650	0	
569	24021333	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
570	24021335	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
571	24021336	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
572	24021338	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
573	24021339	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
574	24021340	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
575	24021341	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
576	24021342	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
577	24021343	-6.414.350	20.000.000	13.890.000	-304.350		-304.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

STT	Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 tại Hòa Lạc	Tổng phải nộp	Đã nộp đến 8h ngày 13/12	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
578	24021344	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
579	24021345	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
580	24021346	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
581	24021347	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
582	24021348	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
583	24023103	0	20.180.000		20.180.000		20.180.000	SV HV KTQS. Chưa đóng HP nhập học
584	24023104	0	20.180.000		20.180.000		20.180.000	SV HV KTQS. Chưa đóng HP nhập học
585	24023105	0	20.180.000		20.180.000		20.180.000	SV HV KTQS. Chưa đóng HP nhập học